

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGHĨA LỘ
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM¹
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 14/01/2022

V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGHĨA LỘ, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quốc Hưng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Văn Tý

2. Ông Hoàng Văn Vĩnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thúy Ngân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Nghĩa Lộ tham gia phiên tòa:

Bà Hà Thị Nguyên Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2022 tại Tòa án nhân dân thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 151/2021/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2021 về việc Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2021/QĐST-HNGĐ ngày 31/12/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lương Thị N, sinh năm 1992

Địa chỉ: Thôn N, xã N, thị xã N, tỉnh Yên Bái.

(Vắng mặt có lý do)

Bị đơn: Anh Lò Văn L, sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn N, xã N, thị xã N, tỉnh Yên Bái.

(Vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lương Thị N trình bày:

Chị và anh Lò Văn L kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 21/10/2010 tại UBND xã N, thị xã N, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại Thôn N, xã N, thị xã N, tỉnh Yên Bái cùng với mẹ chồng một thời gian rồi sau đó ra ở riêng. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2019 thì nảy sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân do

tính cách không hòa hợp, không có tiếng nói chung trong cuộc sống, anh L thường xuyên uống rượu, khi anh L uống rượu say thường xảy ra tranh cãi giữa đôi bên, có lúc dẫn đến xô xát. Ngoài ra, anh L không quan tâm đến gia đình, không đóng góp kinh tế để cùng vợ chăm sóc nuôi dưỡng các con chung. Từ đó dẫn đến cuộc sống vợ chồng luôn trong tình trạng căng thẳng. Khoảng tháng 5 năm 2021 do tình trạng mâu thuẫn căng thẳng chị N đã đưa theo con Lò Văn H chuyển về nhà mẹ đẻ sống, từ đó anh L và chị N sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau nữa. Mâu thuẫn giữa chị N và anh L đã được hai bên gia đình nhiều lần khuyên bảo nhưng không có kết quả. Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án nhân dân thị xã Nghĩa Lộ giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lò Văn L.

Về con chung: Chị Lương Thị N và anh Lò Văn L có 02 con chung là tên là Lò Văn T, sinh ngày 20/4/2010 và Lò Văn H, sinh ngày 25/02/2017. Chị N có nguyện vọng trực tiếp nuôi con Lò Văn H, còn anh L sẽ trực tiếp nuôi con Lò Văn T. Không ai phải cấp dưỡng để nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình chị N đã cung cấp cho Tòa án gồm: Bản chính Giấy chứng nhận kết hôn Lương Thị N và Lò Văn L do UBND xã N cấp; Bản sao chứng thực Căn cước công dân mang tên Lương Thị N; Bản sao Sổ hộ khẩu gia đình chủ hộ Lò Văn L; Bản sao chứng thực Giấy khai sinh mang tên Lò Văn T và Lò Văn H.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành giao các văn bản tố tụng cho anh Lò Văn L đồng thời triệu tập anh L đến Tòa án làm việc nhưng anh L từ chối nhận các văn bản do Tòa án tổng đạt và cố tình không đến Tòa án làm việc khi được Tòa án triệu tập.

Tại biên bản lấy lời khai của cháu Lò Văn T, sinh ngày 20/4/2010 thể hiện cháu có nguyện vọng được trực tiếp sống cùng anh Lò Văn L khi anh L và chị N ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Nghĩa Lộ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của Nguyên đơn tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử Nghị án là đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt; Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần hai đã vi phạm Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lương Thị N. Xử cho chị Lương Thị N và anh Lò Văn L ly hôn.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, xử giao con chung Lò Văn H, sinh ngày 25/02/2017 cho chị Lương Thị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Giao con chung Lò Văn T, sinh ngày 20/4/2010 cho anh Lò Văn L trực tiếp nuôi dưỡng.

Do anh Lò Văn L vắng mặt và không có yêu cầu về việc cấp dưỡng nuôi con nên không đề nghị giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Về án phí: Chị Lường Thị N phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, phát biểu quan điểm của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ngày 18/10/2021 chị Lường Thị N có đơn khởi kiện xin ly hôn anh Lò Văn L có hộ khẩu thường trú tại thôn N, xã N, thị xã N, tỉnh Yên Bái. Căn cứ quy định tại Điều 28; Điều 35; Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Nghĩa Lộ.

[2]. Về thủ tục tố tụng:

Chị Lường Thị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Tòa án đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử 14/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2021; Niêm yết Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2021/QĐST-HNGĐ ngày 31/12/2021 nhưng tại phiên tòa hôm nay anh Lò Văn L vẫn vắng mặt không có lý do, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Nghĩa Lộ đề nghị Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt Bị đơn do đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, vi phạm nghĩa vụ của Bị đơn theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt anh Lò Văn L.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Lường Thị N và anh Lò Văn L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký ngày 21/10/2010 tại UBND xã N, thị xã N, tỉnh Yên Bái. Theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp.

Tuy nhiên, từ khoảng năm 2019 cuộc sống chung vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng, chị N cho rằng nguyên nhân do tính cách không hòa hợp, không có tiếng nói chung trong cuộc sống, anh L thường xuyên uống rượu, khi anh L uống rượu say thường xảy ra tranh cãi giữa đôi bên, có lúc dẫn đến xô xát. Ngoài ra, anh L không quan tâm đến gia đình, không đóng góp kinh tế để cùng vợ chăm sóc nuôi dưỡng các con khiến cho cuộc sống gia đình luôn trong tình trạng căng thẳng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh, chính quyền địa phương cho biết: Chị Lường Thị N và anh Lò Văn L có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nhưng trong quá trình chung sống thì xảy ra mâu thuẫn do tính cách không hợp nhau, anh L thường xuyên say rượu không làm chủ được bản thân. Ngoài ra anh L còn thuộc diện theo dõi

người nghi sử dụng chất ma túy tại địa phương, đây cũng là nguyên nhân anh L không chăm lo cho gia đình, khiến cho vợ chồng thường xuyên xảy ra tranh cãi. Mâu thuẫn giữa chị N và anh L đã phát sinh từ nhiều năm nay. Nay chị N làm đơn xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, anh Lò Văn L từ chối nhận các văn bản do Tòa án tổng đạt, không chấp hành các quyền và nghĩa vụ của Bị đơn và cũng không đưa ra được các giải pháp gì để cải thiện đời sống chung của vợ chồng, hiện nay vợ chồng sống ly thân và không quan tâm đến nhau. Điều đó chứng tỏ vợ chồng chung sống với nhau không hạnh phúc, mục đích hôn nhân là xây dựng một gia đình hòa thuận, hạnh phúc không đạt được. Do vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị Lường Thị N là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] *Về con chung*: Chị Lường Thị N và anh Lò Văn L có 02 con chung là tên là Lò Văn T, sinh ngày 20/4/2010 và Lò Văn H, sinh ngày 25/02/2017. Hiện nay cháu H đang ở với chị N còn cháu T đang ở cùng anh L, chị N đề nghị được trực tiếp nuôi cháu H còn anh L sẽ trực tiếp nuôi cháu T và không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Qua xác minh hiện nay chị N đang là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lò Văn H và anh L đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lò Văn T nên Hội đồng xét xử thấy cần thiết giao cháu H cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu T cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân gia đình và nguyện vọng của cháu T. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con Hội đồng xét xử không xem xét do anh L vắng mặt và chưa có yêu cầu.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung*:

Chị Lường Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về án phí*:

Chị Lường Thị N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[7] *Về quyền kháng cáo*:

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố

tụng dân sự; Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Lương Thị N: Xử cho chị Lương Thị N được ly hôn anh Lò Văn L.

2. Về con chung:

Giao con chung Lò Văn H, sinh ngày 25/02/2017 cho chị Lương Thị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Giao con chung Lò Văn T, sinh ngày 20/4/2010 cho anh Lò Văn L trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Lương Thị N và anh Lò Văn L không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Không ai được ngăn cản quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung.

3. Về án phí: Chị Lương Thị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai số AA/2021/0001026 ngày 19/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Nghĩa Lộ. Chị N đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết Bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND thị xã Nghĩa Lộ;
- CCTHADS thị xã Nghĩa Lộ;
- Các đương sự;
- UBND xã Nghĩa An;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Đặng Quốc Hưng

